TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-PT
Ngày: 30-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Qúy Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Vũ Hoàng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2021/TLPT-HS ngày 12/7/2021 đối với bị cáo Trần Xuân T. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Xuân T, sinh năm 1994, tại: Thái Nguyên; Nơi thường trú: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi tạm trú: Khu phố A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân V, sinh năm 1956 và bà Hà Thị L, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo có 01 chị ruột sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2015/HSST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đến ngày 05/01/2017 chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 10/8/2020, Võ Quang T1 (sinh ngày 01/4/2005) đi đến quán "Quốc Tế" thuộc khu phố A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước do Trần Văn N làm chủ thì thấy bên trong quán có 01 con cá Hải Tượng nên chụp hình lại đi về đưa cho Trần Văn S xem và rủ S cùng đi trộm cá thì S đồng ý hẹn tối ngày 12/8/2020 sẽ thực hiện. Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 12/8/2020, Võ Quang T1 rủ Đỗ Duy P (sinh ngày 21/4/2005), Trịnh Minh V (sinh ngày 07/3/2006), Phạm Vũ H (sinh ngày 30/11/2005), Nguyễn Trung H1 (sinh ngày 17/7/2007) đến quán "Quốc Tế" để bắt trộm cá Hải Tượng thì V, H, H1 đồng ý đi bắt cá, còn P không đi. Khi đến quán "Quốc Tế" Quang T1 cùng V đi xuống bể cá bắt cá Hải Tượng, còn H, H1 đứng trên xem. Sau đó P, Phạm Văn T (sinh ngày 03/01/2006) cũng đến xem bắt cá. Một lúc sau, H1 đi về trước, H mượn xe mô tô biển số 93P1 – 80949 của Quang T1 về chở Đặng Tuấn K (sinh ngày 11/4/2007) đến cùng xem bắt cá Hải Tượng.

Về phía Trần Văn S, sau khi được Võ Quang T1 rủ đi trộm cá Hải Tượng tại quán "Quốc Tế" thì khoảng 7 giờ 00 phút ngày 12/8/2020, S một mình đi đến nhà Trần Xuân T rủ Xuân T đi trộm cá thì Xuân T không đi mà nói S đi bắt cá Hải Tượng về Xuân T sẽ mua. S đồng ý rồi gọi điện thoại cho Lê Công T2 rủ Công T2 đi trộm cá Hải Tượng thì Công T2 đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 93P1 – 74083 đi đến nhà S rồi chở S đến quán "Quốc Tế". Khi đến quán, Lê Công T2 ngồi trên xe mô tô, còn S đi vào trong và thấy nhóm của Võ Quang T1 đang bắt cá tại quán nên S lấy 01 bao tải đi đến cùng Quang T1, V đưa cá Hải Tượng vào bao tải, mang ra xe mô tô rồi Lê Công T2 điều khiển xe mô tô biển số 93P1 – 74083 chở Sơn ôm cá Hải Tượng đến nhà Trần Xuân T, còn Quang T1 đi đến sau. Khi đến nhà Xuân T, do đã thỏa thuận với nhau từ trước nên Xuân T nói S, Công T2, Quang T1 đưa cá Hải Tượng vào bể nhà Xuân T rồi tiền bạc tính sau. Chiều cùng ngày, Trần Xuân T đưa tổng số 1.800.000 đồng là tiền mua cá cho Võ Quang T1.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 12/8/2020, Quang T1 cùng P, H, K, V, Lê Văn T (sinh ngày 13/12/2006) đến quán "Quốc Tế" bắt 01 con cá Trê nặng khoảng 3kg đem về nhà P, đến ngày hôm sau cùng tổ chức làm thịt cá Trê để ăn. Về phía bị hại Trần Văn N, ngày 15/8/2020 khi đến quán "Quốc Tế" thì phát hiện bị mất 01 con cá Hải Tượng, 01 con cá Trê nên đã đến Cơ quan Công an trình báo. Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra, làm rõ hành vi phạm tội của các bị can như trên.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐG ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 cá Hải tượng trọng lượng 23kg tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 5.000.000 đồng; 01 cá Trê trọng lượng 03kg tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 270.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HS-ST ngày 03/6/2021, của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2021, bị cáo Trần Xuân T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp thêm các tài liệu để làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: bản phô tô Huy chương chiến thắng của ông Hà Văn N kèm đơn xin xác nhận của Trần Xuân T gửi Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn của bà Hà Thị L và đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại anh Trần Văn N.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Do bị cáo có nhân thân xấu không thuộc trường hợp được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù bị cáo được Tòa sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc thiểu số. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm các tài liệu để làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: bản phô tô Huy chương chiến thắng của ông Hà Văn N kèm đơn xin xác nhận của Trần Xuân T gửi Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn của bà Hà Thị L và đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại anh Trần Văn N. Tuy nhiên, xét về các tài liệu này thấy rằng, đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn mà bị cáo cung cấp là xác nhận cho hoàn cảnh của mẹ bị cáo (bà L), bị cáo cũng không có căn cứ nào xác định ông Hà Văn N là ông ngoại của bị cáo trong khi tại đơn xin xác nhận Ủy ban nhân dân thị trấn H chỉ xác nhận bị cáo có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Hơn nữa, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên kết án về tội "Tàng trữ trái pháp chất ma túy" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 01 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Xuân T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2021/HS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Trần Xuân T.

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Xuân T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQĐT - Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Qúy Chi